

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 237/2024/DS-PT
Ngày 29 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Tấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 101/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Bà Đoàn Ngọc N, sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1962 (vắng mặt).

2. Bà Lâm Thị L, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1983 (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Kha L1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Hồng Ú, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Huyền T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Văn bản ủy quyền ngày 31/01/2024, có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Ông Nguyễn Đông D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số D, đường N, khóm H, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Chị Trịnh Thảo V, sinh năm 2002 (vắng mặt).

4. Chị Trịnh Thảo Q, sinh ngày 28/9/2005 (vắng mặt).

5. Anh Trịnh Bình A, sinh năm 2008.

Người đại diện theo pháp luật của anh A: Ông Trịnh Văn U, sinh năm 1978 (là cha ruột, có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Ngọc N, ông Trịnh Văn U là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N trình bày:*

Ngày 24/5/2015 (âl), ông bà có nhận chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản đã được san lấp mặt bằng của ông Nguyễn Văn M và bà Lâm Thị L (ngang 5,1m x dài 18m), tổng diện tích 91,8m², giá 165.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được T2 áp là ông Trương Văn H1 xác nhận. Phần đất này có nguồn gốc của bà Trần Hồng Ú và bà Nguyễn Huyền T chuyển nhượng cho ông M, bà L ngày 04/4/2014.

Ngày 19/4/2016 (âl), ông bà nhận chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản đã được san lấp mặt bằng của ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Kha L1 (ngang 5,1m x dài 18m), tổng diện tích 91,8m², giá 210.000.000 đồng, phần đất liền kề phần đất vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông M, bà L. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được T2 áp là ông Văn Công Q1 xác nhận. Phần đất này cũng có nguồn gốc của bà Trần Hồng Ú, chị Nguyễn Huyền T chuyển nhượng cho ông M, bà L; ông M, bà L chuyển nhượng cho ông H, bà L1. Khi ông M và bà L chuyển nhượng của bà Ú và bà T hai bên có lập hợp đồng giao kèo chuyển nhượng và được T2 áp là ông Trương Văn H1 xác nhận. Sau hai lần chuyển nhượng phần đất có chiều ngang 10,2m x dài 18m, tổng diện tích 183,6m².

Đến năm 2016, ông, bà cất nhà trên 02 phần đất nêu trên cho đến nay.

Nay, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L được thiết lập ngày 24/5/2015 (âl) và ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N với ông Đoàn Văn H, bà Nguyễn Kha L1 được thiết lập ngày 19/4/2017

(al), tổng diện tích 183,6m², tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau có các hướng tiếp giáp: hướng Đông giáp Nguyễn Hoàng Ú1; hướng Tây giáp lộ xe T – Đầm Dơi; hướng Nam giáp Huỳnh Thị T3; hướng Bắc giáp Lê Kim D1. Buộc bà Nguyễn Huyền T và bà Trần Hồng Ú cấm cản trở để ông bà lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các phần đất đã chuyển nhượng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L trình bày:* Ông, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông U và bà N.

- *Bị đơn bà Nguyễn Kha L1, ông Đoàn Văn H trình bày:* Ông, bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ông U và bà N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Huyền T và người đại diện theo uỷ quyền của bà T là ông Nguyễn Minh T1 trình bày:*

Ngày 04/4/2014, bà T và mẹ bà T là bà Trần Hồng Ú có chuyển nhượng phần đất nền nhà cho ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L diện tích 180m² (ngang 10m x dài 18m), giá chuyển nhượng 93.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/11/2022 của Hội đồng hòa giải xã T, bà T thống nhất hợp đồng chuyển nhượng trước đây giữa bà Nguyễn Huyền T, bà Trần Hồng Ú với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L có diện tích 180m² (ngang 10m x dài 18m) nếu đo đạc thực tế lớn hơn diện tích chuyển nhượng thì tính tiền thêm mỗi mét 6.000.000 đồng. Qua đo đạc thực tế, thửa đất có diện tích 189,5m² và kết quả định giá phần đất có giá 3.900.000 đồng/m².

Từ các nội dung trên, bà T yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thiết lập ngày 04/4/2014 giữa bà Nguyễn Huyền T, bà Trần Hồng Ú với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L phần đất có diện tích 180m² (ngang 10m x dài 18m). Buộc ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N trả cho bà T, bà Ú phần đất chênh lệch có diện tích 9,5m² x 3.900.000 đồng/m² với số tiền 37.050.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, bà T chỉ yêu cầu nguyên đơn trả 35.000.000 đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thảo V, chị Trịnh Thảo Q trình bày:* Các chị thống nhất theo yêu cầu của ông U, bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Huyền T.

1.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thiết lập ngày 04/4/2014 giữa bà Nguyễn Huyền T, bà Trần Hồng Ú với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L phần đất có diện tích 180m² (ngang 10m x dài 18m).

1.2. Buộc ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N hoàn trả cho bà Nguyễn Huyền T và bà Trần Hồng Ú giá trị phần diện tích đất chênh lệch (thừa) 9,5m² bằng 35.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N.

2.1. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thiết lập ngày 24/5/2015 và ngày 19/4/2017 giữa ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L, ông Đoàn Văn H, bà Nguyễn Kha L1 đối với phần đất theo đo đạc thực tế và sự đồng ý của bà T có diện tích 189,5m² tọa lạc ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận kèm theo.

2.2. Buộc bà Nguyễn Huyền T có nghĩa vụ hoàn tất các thủ tục theo quy định của Luật đất đai về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N để cấp quyền sử dụng đối với phần đất trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/3/2024, ông U, bà N có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm. Không chấp nhận trả số tiền 35.000.000 đồng cho chị T, bà Ú.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

- *Nguyên đơn ông Trịnh Văn U tranh luận:* Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông đã cất nhà.

- *Nguyên đơn bà Đoàn Ngọc N tranh luận:* Bà nhận chuyển nhượng đất đã trả tiền đầy đủ và đã cất nhà trên đất. Phần đất bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hoàng Ú1 (Út Em) giáp phía sau cũng ghi giáp đất của bà chứ không phải giáp đất của ông Nguyễn Văn Ú2 (Út A1).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Huyền T tranh luận:* Ông Nguyễn Văn Ú2 qua đời có để lại cho chị Nguyễn Huyền T phần đất. Tại phiên hoà giải của Ủy ban nhân dân xã T thì ông U thống nhất trả giá trị diện tích đất chênh lệch nhưng chỉ không thống nhất số tiền hoàn trả. Đề nghị Toà án giữ y bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của chị T là ông Nguyễn Minh T1 tranh luận:* Ông thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Đông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Ngọc N, ông Trịnh Văn U. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Đoàn Ngọc N, ông Trịnh Văn U, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Huyền T và bà Trần Hồng Ú thừa nhận có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M, Lâm Thị L phần đất ngang 10m, dài 18m, diện tích

180m² ngày 04 tháng 4 năm 2014. Sau khi ký hợp đồng thì ông M, bà L đã nhận đất và thanh toán xong toàn bộ giá trị hợp đồng 93.000.000 đồng cho bà T, bà Ú xong nhưng chưa đăng ký, chuyển tên quyền sử dụng đất. Như vậy, hợp đồng trên không tuân thủ về hình thức nhưng đã thực hiện xong hợp đồng nên vẫn được công nhận có hiệu lực. Hiện nay, bà T, bà Ú đồng ý công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Trần Hồng Ú, bà Nguyễn Huyền T với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L ngày 04 tháng 4 năm 2014. Như vậy, bà T, bà Ú không tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04 tháng 4 năm 2014.

[2] Bà T, bà Ú chỉ đồng ý công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 180m², còn phần diện tích chênh lệch 9,5m² được định giá là 37.050.000 đồng thì yêu cầu ông U, bà N trả giá trị đất số tiền 35.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng, ông M, bà L đã nhận đất và sử dụng cả phần đất tranh chấp. Sau đó, khi chuyển nhượng đất cho người khác thì ông M, bà L chuyển nhượng cả phần đất tranh chấp. Sau khi chuyển nhượng, ông U, bà N đã cất nhà kể cả trên đất tranh chấp nhưng bà T, bà Ú không có ý kiến gì. Như vậy, thực tế, khi giao đất thì có chỉ ranh, nguyên đơn sử dụng đất trong ranh đất nhận chuyển nhượng. Điều này được ông M, bà L, ông H, bà L1 thừa nhận.

[3] Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M, bà L với bà Đoàn Thị N1 ngày 24 tháng 5 năm 2015 (al) có vị trí tứ cận: Tây giáp Q, Đ giáp Nguyễn Hoàng Ú1. Như vậy, mặc dù trong hợp đồng thể hiện chiều dài 18m nhưng có ghi tứ cận là giáp Quốc lộ, giáp đất của ông Nguyễn Hoàng Ú1 thì ông Nguyễn Văn Ú2, bà Trần Hồng Ú, bà Nguyễn Huyền T đã chuyển nhượng hết phần đất, không chừa lại phần đất nào. Hơn nữa, vào ngày 08 tháng 9 năm 2020, ông Nguyễn Hoàng Ú1 đã chuyển nhượng phần đất liền kề của ông Nguyễn Hoàng Ú1 cho ông U, bà N1 diện tích 390m² (ngang 15m, dài 26m). Trong hợp đồng chuyển nhượng trên, thể hiện vị trí tứ cận: Đông giáp Nguyễn Văn N2, T4 giáp Trịnh Văn U với cô T3. Điều này thể hiện, bà Trần Hồng Ú, bà Nguyễn Huyền T không chừa lại phần đất nào. Hơn nữa, bà T, bà Ú đã chuyển nhượng đất từ mặt tiền giáp quốc lộ vào hậu đất mà cho rằng còn chừa lại ở hậu đất một cạnh 0,5m, một cạnh 0,32m là không hợp lý.

[4] Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà T thừa nhận, khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà T mới phát hiện phần đất chuyển nhượng dư so với diện tích đất chuyển nhượng nên mới khởi kiện. Hơn nữa, khi chuyển nhượng đất thì bà Ú, chị T đã được bơm thành nền để chuyển nhượng cho người khác. Ông U, bà N1 chỉ sử dụng phần đất đã bơm thành nền nên không có căn cứ chứng minh ông U, bà N1 sử dụng ngoài diện tích đất chuyển nhượng, cũng không có chứng cứ chứng minh khi chuyển nhượng đất bà Ú, chị T còn chừa lại đất.

[5] Tại bản án sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau đã tuyên công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 189,5m².

Theo đó, hướng Nam giáp phần đất của bà Nguyễn Huyền Trang điểm M1, dài 19m là chưa chính xác theo Mạnh đo đạc chính lý thửa đất ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ nên cần điều chỉnh lại như sau: hướng Nam giáp phần đất của bà Nguyễn Huyền Trang điểm M2, dài 19m.

[6] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Ngọc N, ông Trịnh Văn U. Sửa bản án sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T buộc ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N trả giá trị diện tích đất chênh lệch 9,5m² với số tiền 37.050.000 đồng.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đoàn Ngọc N, Ông Trịnh Văn U phải chịu, đã dự nộp được chuyển thu.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Đoàn Ngọc N, ông Trịnh Văn U.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2024/DS-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thiết lập ngày 24/5/2015 và ngày 19/4/2017 giữa ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L, ông Đoàn Văn H, bà Nguyễn Kha L1 đối với phần đất theo đo đạc thực tế và sự đồng ý của bà T có diện tích 189,5m², tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, có vị trí tứ cận:

- Hướng Đông cạnh M, dài 9,95m;
- Hướng Tây cạnh M, dài 10m;
- Hướng Nam cạnh M, dài 19m;
- Hướng Bắc cạnh M2M5, dài 19m.

(có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Nguyễn Huyền T về việc yêu cầu ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N trả giá trị diện tích đất chênh lệch số tiền 35.000.000 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Huyền T, bà Trần Hồng Ú về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04 tháng 4 năm 2014 giữa bà Nguyễn Huyền T, bà Trần Hồng Ú với ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L, ông Đoàn Văn H và bà Nguyễn Kha L1 phải chịu 500.000 đồng (mỗi người 125.000 đồng). Ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N đã nộp số tiền trên nên ông M, bà L, ông H và bà L1 hoàn trả lại cho ông U, bà N số tiền 500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong các khoản tiền trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.750.000 đồng. Chị T có nộp tạm ứng án phí số tiền 1.227.000 đồng tại biên lai số 0000402 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được đối trừ, chị T còn phải nộp số tiền 523.000 đồng.

Ông Trịnh Văn U và bà Đoàn Ngọc N không phải chịu án phí. Ngày 03/10/2023, ông U, bà N có nộp tạm ứng số tiền 600.000 đồng tại biên lai thu số 0000398 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi được nhận lại.

Ông Nguyễn Văn M, bà Lâm Thị L phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Ông Đoàn Văn H, bà Nguyễn Kha L1 phải nộp số tiền 300.000 đồng.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trịnh Văn U, bà Đoàn Ngọc N không phải chịu án phí. Ngày 07/3/2024, ông U, bà N mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0000827 và 0000828 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi, được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Đặng Minh Trung